

A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA LUẬN

QUYỂN 186

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 4)

Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Các loại hữu tình, có loại là Định, có loại là Bất định, có loại thông tuệ hướng đến Minh, có loại không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt về tướng thù nhiếp sai biệt. Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không nói, thì nay đều cần phải nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh chăng?

Đáp: Các hữu tình Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh.

Có hữu tình không phải là thông tuệ hướng đến Vô minh, mà không phải là Bất định, đó là Tà định.

Hỏi: Các hữu tình là Định thì tất cả hữu tình ấy, là thông tuệ hướng đến Minh chăng?

Đáp: Các hữu tình thông tuệ hướng đến Minh, thì tất cả hữu tình ấy là Định.

Có hữu tình là Định mà hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hướng đến Minh, đó là Tà định.

Trong này, không phải là thông tuệ, đó là dị sinh ngu dốt, bởi vì không có Thánh tuệ; thông tuệ, đó là các Thánh giả, bởi vì có Thánh tuệ. Vì sao biết như vậy? Bởi vì trong kinh nói.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ý ông nghĩ thế

nào? Các hữu tình nhận biết như thật đối với Khổ thánh đế, nhận biết như thật đối với Khổ-Tập thánh đế, nhận biết như thật đối với Khổ-Diệt thánh đế, nhận biết như thật đối với hành hưởng đến Khổ-Diệt thánh đế, hoặc có hữu tình đối với những điều này không nhận biết như thật, trong này nói loại nào là thông tuệ? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Như con hiểu về nghĩa Đức Phật đã nói, thì các hữu tình nhận biết như thật đối với Khổ thánh đế, cho đến nhận biết như thật đối với hành hưởng đến Khổ-Diệt thánh đế thì gọi là người thông tuệ, chứ không phải là không nhận biết như thật.” Vì vậy cho nên biết Thánh giả là thông tuệ, dị sinh không phải là thông tuệ.

Thông tuệ thì hưởng đến Minh, bởi vì là sở y của Minh; không phải là thông tuệ thì hưởng đến Vô minh, bởi vì là sở y của Vô minh.

Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy, không phải là thông tuệ hưởng đến Vô minh, nghĩa là các hữu tình Bất định thì chắc chắn là dị sinh, bởi vì tất cả dị sinh đều thuộc về không phải là thông tuệ hưởng đến Vô minh.

Có hữu tình không phải là thông tuệ hưởng đến Vô minh, mà không phải là Bất định, đó là Tà định, nghĩa là các hữu tình Tà định cũng chắc chắn là dị sinh, bởi vì hữu tình ấy xác định thuộc về tánh Tà, cho nên không gọi là Bất định.

Các hữu tình thông tuệ hưởng đến Minh, thì tất cả hữu tình ấy là Định, đó là các Thánh giả, bởi vì xác định thuộc về tánh Chánh, cho nên gọi là Định.

Hỏi: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy không thành tựu Đẳng giác chi chăng?

Đáp: Các hữu tình là Bất định thì tất cả hữu tình ấy không thành tựu Đẳng giác chi.

Có hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi mà không phải là Bất định, đó là Tà định, bởi vì là dị sinh, bởi vì xác định thuộc về tánh Tà.

Hỏi: Các hữu tình là Định thì tất cả hữu tình ấy thành tựu Đẳng giác chi chăng?

Đáp: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi, thì tất cả hữu tình ấy là Định.

Có hữu tình là Định mà không thành tựu Đẳng giác chi, đó là Tà định. Giải thích như trước.

Có ba tụ:

1. Tụ xác định là tánh Tà.
2. Tụ xác định là tánh Chánh.

3. Tụ không xác định.

Tụ xác định là tánh Tà, đó là thành tựu năm nghiệp vô gián. Tụ xác định là tánh Chánh, đó là thành tựu pháp Học-Vô học. Tụ không xác định, đó là chỉ thành tựu những pháp hữu lậu khác và Vô vi. Đó gọi là tự tánh của ba tụ.

Nói về Cõi, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một cõi, đó là cõi Dục; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của ba cõi, tụ không xác định cũng như vậy.

Nói về Nẻo, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một nẻo, đó là nẻo người; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là nẻo người và trời; tụ không xác định thuộc về toàn phần của ba nẻo, đó là địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, phần ít của hai nẻo, đó là nẻo người và trời.

Nói về Sinh, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của một sinh loại, đó là Thai sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh; tụ không xác định thuộc về toàn phần của hai sinh loại, đó là Noãn sinh và Thấp sinh, phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh.

Có người nói: Tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của ba sinh loại, đó là trừ ra Hóa sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của bốn sinh loại, tụ không xác định cũng như vậy.

Nói về Xứ, có người nói: Tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của ba Xứ; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về toàn phần của năm Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ; tụ không xác định thuộc về toàn phần của năm Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ.

Nói như vậy thì các Hành có bốn mươi Xứ, tụ không xác định thuộc về toàn phần của mười một Xứ, phần ít của hai mươi bốn Xứ.

Phái Thí Dụ nói: Từ địa ngục vô gián cho đến cõi Hữu Đảnh đều có ba tụ. Họ nói pháp nhập Niết-bàn gọi là tụ xác định là tánh Chánh, pháp không nhập Niết-bàn gọi là tụ xác định là tánh Tà, không quyết định thì gọi là tụ không xác định.

Lời bình: Như cách nói trước là hợp lý.

Đây là dựa vào luận Tập Dị Môn mà nói. Nếu dựa vào luận Thi Thiết mà nói thì Tụ xác định là tánh Tà, đó là năm nghiệp vô gián, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy-Dị thực ấy, và Bồ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Tụ xác định là tánh Chánh, đó là pháp Học-Vô học, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy, và Bồ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Tụ không xác định, đó là những pháp khác, nếu Nhân ấy-Quả ấy-Đẳng lưu ấy-Dị

thục ấy, và Bồ-đặc-già-la thành tựu pháp ấy. Đó gọi là tự tánh của ba tụ.

Nói về Cõi thì nói như trước.

Nói về Nẻo, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là địa ngục và người; tụ xác định là tánh Chánh cũng thuộc về phần ít của hai nẻo, đó là người và trời; tụ không xác định thuộc về toàn phần của hai nẻo, đó là bàng sinh-ngạ quỷ, phần ít của ba nẻo, đó là địa ngục-người và trời.

Nói về Sinh, tụ xác định là tánh Tà thuộc về phần ít của hai sinh loại, đó là Thai sinh và Hóa sinh; tụ xác định là tánh Chánh thuộc về phần ít của bốn sinh loại; tụ không xác định cũng như vậy.

Xứ đã phân biệt, như thích hợp nên biết.

Trong Tỳ-nại-da nói: “Đức Thế Tôn ở dưới cội cây Bồ-đề, kiến lập tất cả hữu tình làm ba tụ, đó là đến bấy nhiêu gọi là Tà định tụ, đến bấy nhiêu gọi là Chánh định tụ, đến bấy nhiêu gọi là Bất định tụ.”

Hỏi: Là dựa vào phạm vi của hữu tình mà kiến lập, hay là dựa vào phạm vi của pháp mà kiến lập? Nếu dựa vào hữu tình, thì vì sao không phải là đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình? Nếu dựa vào pháp, thì Thanh văn cũng có thể kiến lập như vậy, Phật và Thanh văn có gì không giống nhau?

Đáp: Có người nói: Dựa vào hữu tình mà kiến lập.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao không phải là đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình?

Đáp: Đức Phật đạt được giới hạn của biển rộng hữu tình cũng không có lỗi gì, nhưng mà đạt được tướng chung chứ không phải là tướng riêng, nghĩa là tất cả hữu tình không ra ngoài bốn sinh loại như vậy mà đạt được.

Có người nói: Dựa vào pháp mà kiến lập.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thanh văn cũng có thể kiến lập như vậy, Phật và Thanh văn có gì không giống nhau?

Đáp: Thanh văn nhờ vào Đức Phật mà nghe biết, Đức Phật không có Thầy mà tự mình có thể kiến lập, đây là điều không giống nhau.

Có người nói: Nếu ba ngàn thế giới và từ một ngàn năm đến nay thì dựa vào hữu tình mà kiến lập, nếu thế giới khác và thời gian khác thì dựa vào pháp mà kiến lập.

Hỏi: Nếu Đức Phật ở dưới cội cây Bồ-đề đã kiến lập hữu tình làm ba tụ, thì tại sao lại nói là ngày đêm sáu thời dùng Phật nhãn quán xét thế gian?

Đáp: Trước đó tuy kiến lập ba tụ mà chưa quán xét về phần vị sai biệt, loại nào ở lúc nào từ Tà định tụ tiến vào Bất định tụ, loại nào ở lúc nào từ Bất định tụ tiến vào Tà định tụ hoặc là Chánh định tụ, muốn biết về điều này cho nên tiếp tục dùng Phật nhãn để quán sát suốt ngày đêm.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày Đức Phật ở trong tất cả mọi lúc luôn luôn thích tư duy về việc làm lợi ích cho người khác.

Có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về lòng Đại Bi của Đức Thế Tôn xông ướp trong tâm không hề mỏi mệt.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Có các hữu tình thường xuyên từ thế giới khác sinh đến cõi này, bởi vì trước đó chưa kiến lập, cho nên nay dùng Phật nhãn quán xét trở lại để kiến lập.”

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: “Đức Phật lấy pháp làm Thầy, bởi vì cần phải cung kính phụng sự đối với pháp, cho nên ngày đêm sáu thời dùng Phật nhãn để quán sát thế gian.”

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Đức Phật muốn hiển bày về những việc làm tỉ mỉ chính xác của mình, cho nên tuy kiến lập mà vẫn quán sát.”

Hỏi: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Các hữu tình thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy thành tựu pháp vô lậu, bởi vì Đẳng giác chi là vô lậu.

Có hữu tình thành tựu pháp vô lậu mà không phải là Đẳng giác chi, đó là các dị sinh, bởi vì các dị sinh đều thành tựu Phi trạch diệt, cho nên tùy theo lia nhiễm thuộc phẩm nào cũng thành tựu Trạch diệt.

Hỏi: Các hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi thì hữu tình ấy không thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hữu tình nào không thành tựu pháp vô lậu, bởi vì chắc chắn thánh tựu Phi trạch diệt.

Có hữu tình không thành tựu Đẳng giác chi, đó là các dị sinh, bởi vì các dị sinh chắc chắn không thành tựu pháp hữu vi vô lậu.

Hỏi: Các hữu tình đạt được Đẳng giác chi thì hữu tình ấy đạt được pháp vô lậu chăng?

Đáp: Các hữu tình đạt được Đẳng giác chi thì hữu tình ấy đạt được pháp vô lậu.

Có hữu tình đạt pháp vô lậu mà không phải là Đẳng giác chi, đó là các dị sinh.

Hỏi: Đẳng giác chi nói là đạt được thì điều này có thể như vậy, bởi

vì lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì chưa từng đạt được mà đạt được; pháp vô lậu làm sao nói là đạt được, bởi vì không có hữu tình nào từ trước đến nay không thành tựu Phi trạch diệt?

Đáp: Có người nói: Văn này chỉ cần nói là đạt được Đẳng giác chi, chứ không cần nói là đạt được pháp vô lậu.

Có người nói: Trong này, pháp vô lậu có hai phẩm, một là Giác chi, hai là Trạch diệt. Lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì đạt được Giác chi, tùy theo lúc lìa nhiễm thuộc phẩm nào đạt được Trạch diệt, dị sinh đối với nhiễm do Kiến-Tu mà đoạn của tám địa, tùy theo lìa nhiễm thuộc phẩm nào đều đạt được Trạch diệt, cho nên đưa ra cách nói này.

Có người nói: Trong này, pháp vô lậu có ba phẩm, một là Giác chi, hai là Trạch diệt, ba là Phi trạch diệt. Lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh thì đạt được Giác chi, tùy theo lúc lìa nhiễm thuộc phẩm nào đạt được Trạch diệt, tùy theo ở lúc nào đạt được Phi trạch diệt.

Hỏi: Lẽ nào không phải dị sinh vốn đều thành tựu Phi trạch diệt, vì sao nói là đạt được?

Đáp: Tuy vốn là thành tựu mà dựa vào trong phần vị thắng tiến cũng có thể nói đạt được; bởi vì như hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng trì giới, hoặc là dùng nghe biết, hoặc là dùng tư duy, hoặc là quán Bất tịnh-Trì tức niệm, hoặc là dùng Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp..., khiến cho pháp của các nẻo ác đạt được Phi trạch diệt.

Lại nữa, nếu dùng chủng loại mà nói thì không nên nói là đạt được, nếu dùng sự việc sai biệt mà nói thì cũng có thể nói là đạt được, bởi vì trong từng sát-na tùy theo những sự việc ấy mà đạt được khác nhau.

Hỏi: Các hữu tình rời bỏ Đẳng giác chi thì hữu tình ấy rời bỏ pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hoàn toàn rời bỏ Đẳng giác chi, cũng không có hoàn toàn rời bỏ pháp vô lậu, bởi vì chắc chắn không có Thánh giả trở lại làm dị sinh, cũng không có hữu tình nào không thành tựu Phi trạch diệt, nhưng không phải là không có nghĩa rời bỏ tùy theo từng phần, cho nên nói là không có hoàn toàn rời bỏ.

Hỏi: Các hữu tình lui sụt Đẳng giác chi thì hữu tình ấy lui sụt pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có hoàn toàn lui sụt Đẳng giác chi, cũng không có hoàn toàn lui sụt pháp vô lậu, nghĩa giải thích như trước.

Lại nữa, vì ngăn chặn Bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ nói là quả Dự lưu có lui sụt, và ngăn chặn phái Thí Dự không chấp nhận có pháp Phi trạch

diệt, cho nên đưa ra cách nói này: Không có hoàn toàn rời bỏ-hoàn toàn lui sụt Đẳng giác chi và pháp vô lậu.

Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Trong này, dựa vào hai loại biết khắp mà soạn luận:

1. Trí biết khắp.

2. Đoạn biết khắp.

Ở trong Trí biết khắp, có người nói: Chỉ là trí vô lậu

Có người nói: Bao gồm trí hữu lậu-vô lậu.

Những người nói chỉ là trí vô lậu, đó nói lúc Hiện quán về Khổ, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp do kiến Khổ mà đoạn, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Lúc Hiện quán về Tập cũng như vậy, sai biệt là nói về Đế của mình.

Lúc Hiện quán về Diệt, đối với Diệt đế, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp do kiến Diệt mà đoạn, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Lúc Hiện quán về Đạo cũng như vậy, sai biệt là nói về Đế của mình.

Trong Tu đạo, tùy theo khởi lên trí nào, đối với pháp tùy theo sở duyên nào, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; đối với pháp tùy theo sở đoạn nào, do đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp chưa biết khắp thì pháp ấy chưa đoạn, bởi vì cần phải nhờ vào trí nhận biết thì mới có thể đoạn.

Có pháp chưa đoạn mà không phải là chưa biết khắp, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với bốn pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, đối với ba pháp đã đoạn; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, đối với hai pháp đã đoạn; Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm do Tu mà đoạn, đối với một pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của địa trên, đối với pháp do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc; đã lìa nhiễm của cõi Sắc mà chưa lìa nhiễm của cõi trên, đối với pháp do Tu mà đoạn của cõi Vô sắc, do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn.

Hỏi: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp, đó là Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với một pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, đối với hai pháp đã đoạn; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, đối với ba pháp đã đoạn; Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm do Tu mà đoạn, đối với bốn pháp đã đoạn do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của địa trên, đối với pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, và do Tu mà đoạn của cõi Dục; đã lìa nhiễm của cõi Sắc mà chưa lìa nhiễm của cõi trên, đối với pháp do Kiến mà đoạn của ba cõi, và pháp do Tu mà đoạn của cõi Dục-Sắc; Tận trí đã sinh, đối với pháp do Kiến-Tu mà đoạn của ba cõi, do trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn.

Có pháp đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, đối với bốn pháp đã đoạn..., nói rộng ra như trên.

Những người nói trí biết khắp bao gồm trí hữu lậu-vô lậu, đó là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp cho nên gọi là biết khắp; không phải là đoạn biết khắp cho nên gọi là đoạn. Phần vị Kiến đạo-Tu đạo, nói như trước.

Hỏi: Lẽ nào không phải trong phần vị Niệm trú, đối với tất cả các pháp đã gọi là biết khắp hay sao?

Đáp: Tuy cũng gọi là biết khắp mà không phải là thắng tiến. Trong này nói đến thắng tiến, là nếu hành tướng cùng với Thánh đạo giống nhau thì gọi là thắng tiến.

Có người nói: Nếu Tuệ do Văn mà thành-do Tư mà thành-do Tu mà thành, nếu Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, thì đối với sự hữu lậu bởi vì biết khắp về tự tướng-cộng tướng, cho nên đều gọi là trí biết khắp. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các pháp chưa đoạn thì pháp ấy chưa biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp chưa biết khắp thì pháp ấy chưa đoạn, bởi vì trước phải đối với pháp ấy đạt được trí biết khắp, sau mới đối với pháp ấy đoạn biết khắp.

Có pháp chưa đoạn mà không phải là chưa biết khắp, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch đã sinh mà Kiến đạo chưa sinh, đối với năm pháp đã đoạn, do trí biết khắp bởi

vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn, còn lại nói rộng ra như trên.

Hỏi: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp đã đoạn thì pháp ấy đã biết khắp, câu này giải thích như trước.

Có pháp đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, đó là Khổ trí biết khắp bởi vì đã biết khắp, không phải là đoạn biết khắp bởi vì đã đoạn. Đây là nói đến phần vị căn thiện thuận phần quyết trạch đã sinh..., nói rộng ra như trên.

Dị sinh tuy có đoạn mà không phải là đoạn biết khắp, vì thế cho nên không nói đến. Bởi vì không phải là do trí biết khắp mà chứng, trí biết khắp chỉ là hành tướng Thánh.

Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong luận Thi Thiết nói: “Tử sinh trí chứng thông là gia hạnh như thế nào, làm sao dẫn dắt phát khởi Tử sinh trí chứng thông? Đó là người bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với Tam-ma-địa thế tục, đã khéo léo tu tập, khéo léo đạt được tự tại, khiến cho khởi lên hiện rõ trước mắt. Bởi vì muốn dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thông, cho nên trước tiên giữ lấy tướng khuôn mặt trong gương sáng, hoặc là các tướng ánh sáng của mặt trời-mặt trăng-tinh tú-cỏ thuốc-đèn đuốc-ngọc ma ni, hoặc là tướng rừng rực bốc lên của đồng lửa lớn đốt cháy các thành ấp lan rộng ra nhiều Du-thiện-na. Giữ lấy tướng này rồi, nhờ vào lực tác ý tướng tượng, ở giai đoạn không nhìn thấy có thể khởi lên ánh sáng, thẳng giải nối tiếp nhau dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn. Có lúc ngay nơi Nhân xứ bình thường vốn có đại chủng sở tạo của cõi Sắc, Thiên nhãn thanh tịnh khởi lên có thể nhìn thấy các sắc như đẹp-như xấu...” Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy sẽ không có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn chăng? Bởi vì muốn làm cho mỗi nghi này được quyết định, hiển bày tuy ở đời này mắt không nhìn thấy sắc mà người ấy cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại trong luận Thi Thiết nói: “Thiên nhĩ trí chứng thông là gia hạnh như thế nào, làm sao dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ trí chứng thông? Đó là người bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với Tam-ma-địa thế tục, đã khéo léo tu tập, khéo léo đạt được tự tại, khiến cho khởi lên hiện rõ

trước mắt. Bởi vì muốn dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thông, cho nên trước tiên giữ lấy âm thanh của voi-ngựa-xe cộ, hoặc là các âm thanh như chuông-trống-tù và-tiêu-địch-ca ngâm-tán tụng, hoặc là âm thanh do tập hợp của bốn Đại va chạm lẫn nhau mà phát ra. Cố gắng giữ lấy tướng của các âm thanh này rồi, nhờ vào lực tác ý tưởng tượng, vào lúc lia xa tai nghe có thể khởi lên các âm thanh, thẳng giải nối tiếp nhau dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ. Có lúc ngay nơi Nhĩ xứ bình thường vốn có đại chủng sở tạo của cõi Sắc, Thiên nhĩ thanh tịnh khởi lên có thể nghe được các âm thanh của loài người hoặc là loài Phi nhân...” Vì vậy lại có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Các hữu tình ở đời này tai không nghe được âm thanh, người ấy sẽ không có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ chẳng? Bởi vì muốn làm cho mỗi nghi này được quyết định, hiển bày tuy ở đời này tai không nghe được âm thanh mà người ấy cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các hữu tình ở đời này mắt không nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh niệm, trước đây trong đời khác mắt đã từng nhìn thấy sắc, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn.

Hỏi: Các hữu tình ở đời này tai không nghe được âm thanh, người ấy dựa vào pháp nào dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh niệm, trước đây trong đời khác tai đã từng nghe âm thanh, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ.

Hỏi: Các hữu tình đạt được Túc trú tùy niệm trí, cũng có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn-Thiên nhĩ, vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nếu đối với người sinh ra mù khởi lên Thiên nhãn, người sinh ra điếc khởi lên Thiên nhĩ, cả hai có thể dẫn dắt phát khởi thì trong này nói đến; Túc trú tùy niệm trí, chỉ có thể dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thuộc loại ấy chứ không phải là Thiên nhĩ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì những người sinh ra điếc không có Túc trú tùy niệm trí, bởi vì trí này sinh khởi chủ yếu là nhờ vào người khác chỉ dạy, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Vì sao Thiên nhãn chỉ có ở bốn Tĩnh lự Căn bản chứ không phải là địa Cận phần?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất của nó, không phải là đồ

đựng của nó, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, nếu địa có Tam-ma-địa là sở y của Thông thì có Thiên nhân, địa Cận phần không có Tam-ma-địa là sở y của Thông cho nên không có Thiên nhân.

Lại nữa, nếu địa có Tam-ma-địa do Chi thâm nhiếp thì có Thiên nhân, địa Cận phần thì không như vậy.

Có người nói: Nếu địa có vui thích thân thông mà hành đạo (lạc thông hành đạo) thì có Thiên nhân, địa Cận phần thì không như vậy.

Như vậy, Thiên nhân hoặc nói là chỉ có một, đó là Thiên nhân.

Hoặc nói là hai, đó là đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là ba, đó là Hạ-Trung-Thượng.

Hoặc nói là bốn, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự.

Hoặc nói là sáu, đó là Hạ-Trung-Thượng đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là tám, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là chín, đó là Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là mười hai, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ-Trung-Thượng.

Hoặc nói là mười tám, đó là Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng đều có đã từng đạt được-chưa từng đạt được.

Hoặc nói là hai mươi bốn, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có sáu loại ở trước.

Hoặc nói là ba mươi hai, đó là mười sáu loại do sinh đạt được, và mười sáu loại do tu đạt được.

Có người nói: Quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ-Trung-Thượng là mười hai, lại đều có quả thuộc về năm phẩm tu xen lẫn Tĩnh lự là hai mươi, thì gọi là ba mươi hai.

Hoặc nói là ba mươi sáu, đó là quả thuộc bốn Tĩnh lự đều có Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng.

Hoặc nói là bảy mươi hai, đó là bốn Tĩnh lự đều có mười tám loại ở trước.

Nếu dùng sự nối tiếp nhau và sát-na thì có vô lượng, nay chỉ nói chung về một Thiên nhân; như Thiên nhân, Thiên nhĩ cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao có Thiên nhân-Thiên nhĩ không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, mà không có Thiên tử-thiệt-thân không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Nhân căn-Nhĩ căn giữ lấy cảnh không đến, bởi vì muốn thấy

xa-nghe xa cho nên khởi lên Thiên nhãn-Thiên nhĩ không Đồng phần hiện rõ trước mắt, Tỷ-Thiệt-Thân căn chỉ giữ lấy cảnh đến, đối với không Đồng phần không có tác dụng riêng biệt, cho nên không khởi lên hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Nếu khởi lên Tỷ căn-Thiệt căn không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, thì bị thế gian giễu cợt: Vì sao người này lại có hai mũi-hai lưỡi? Nếu có Thân căn không Đồng phần hiện rõ ở trước mắt, thì thế gian cũng giễu cợt: Vì sao người này có hai thân như người sinh đôi vậy? Vì thế cho nên Tỷ-Thiệt-Thân căn không có không Đồng phần.

Lại nữa, Thiên nhãn bên trái-bên phải thì phẩm loại mạnh-yếu chắc chắn giống nhau, nghĩa là không phải bên trái yếu-bên phải mạnh...

Lại nữa, lúc hiện rõ trước mắt chắc chắn đều đầy đủ, không có đui-không có chột cũng không có rối loạn và Bĩ đồng phần. Còn lại nói rộng ra như trong phẩm luận về Xúc ở chương Căn Uẩn.

Hỏi: Vì sao lúc dị sinh lui sụt thì tăng thêm kiết do Kiến-Tu mà đoạn, lúc đệ tử của Đức Thế Tôn lui sụt thì chỉ tăng thêm kiết do Tu mà đoạn?

Đáp: Bởi vì dị sinh dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đều tăng thêm; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này nhất định không lui sụt, dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Giả sử đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý gạt bỏ không có tánh lui sụt, hiển bày thật có lui sụt, cho nên soạn ra phần luận này. Trong này, các pháp đạt được (chư đắc) dùng tên gọi tăng thêm (tăng ích) mà nói đến sự tích tập sinh ra, cho nên có nơi nói đạt được gọi là gần sinh ra (cận sinh), bởi vì gần sinh ra pháp ấy. Như luận Thi Thiết nói: “Dị sinh khởi lên tùy miên Dục tham thì có năm pháp khởi lên:

1. Tùy miên Dục tham.
2. Tùy miên Dục tham gần sinh ra.
3. Tùy miên Vô minh.
4. Tùy miên Vô minh gần sinh ra.

5. Trao cử.”

Trong này, dị sinh dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc chín phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên. Đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc một phẩm để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này nhất định không lui sụt; dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn, đó là dùng đạo thuộc chín phẩm để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Giả sử đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, vẫn dùng đạo này để đoạn kiết do Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt, đó là giả sử dùng đạo thuộc một phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn thì họ cũng không có lui sụt, bởi vì đệ tử của Đức Thế Tôn chắc chắn không lui sụt đối với kiết do Kiến mà đoạn, cho nên không có thể cùng lúc đoạn mà lui sụt khác nhau. Vả lại, đệ tử của Đức Phật trước đây là dị sinh thì dùng đạo thuộc chín phẩm để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, nay cũng không lui sụt bởi vì hai đạo đã trấn giữ.

Lại nữa, dị sinh dùng Tu đạo để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng Kiến đạo để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng Tu đạo để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng Trí để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng Nhân để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng Trí để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh không quán về Đế để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn quán về Đế để đoạn kiết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, hoặc là quán về Đế-hoặc là không quán về Đế để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng đạo khởi lên-không khởi lên để cùng lúc đoạn kiết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kiết đạt

được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo không khởi lên để đoạn kết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo khởi lên-không khởi lên để đoạn kết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, dị sinh dùng đạo không mạnh mẽ sắc bén để cùng lúc đoạn kết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo mạnh mẽ sắc bén để đoạn kết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo không mạnh mẽ sắc bén để đoạn kết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Phần còn lại nói như trước.

Có người nói: Dị sinh dùng đạo hữu lậu để cùng lúc đoạn kết do Kiến-Tu mà đoạn, cho nên lúc họ lui sụt thì hai kết đạt được cùng lúc khởi lên; đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo vô lậu để đoạn kết do Kiến mà đoạn, họ đối với đạo này chắc chắn không lui sụt, dùng đạo hữu lậu-vô lậu để đoạn kết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo này có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt. Nhưng đó là nói dùng đạo vô lậu để đoạn thì quyết định là không lui sụt.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra không có ai lui sụt quả A-la-hán, bởi vì kết của cõi Hữu Đảnh chỉ do đạo vô lậu mà đoạn?

Đáp: Nếu A-la-hán trước đây dùng đạo hữu lậu để đoạn kết do Tu mà đoạn của tám địa dưới, thì họ có thể có lui sụt, bởi vì Căn bản không vững chắc. Nếu trước đây dùng đạo vô lậu để đoạn kết do Tu mà đoạn của tám địa dưới, thì họ chắc chắn không lui sụt, bởi vì Căn bản vững chắc.

Hỏi: Vì sao không có ai lui sụt Kiến đạo?

Đáp: Bởi vì Căn bản vững chắc. Thế nào là Căn bản? Đó là người cầu giải thoát vốn có hoặc là bố thí, hoặc là trì giới, hoặc là tu tập, hoặc là quản lý sự việc của Phật-Pháp-Tăng, hoặc là chu cấp chăm sóc cho người già-người bệnh, hoặc là đọc tụng Thánh giáo giải thích rõ ràng cho người khác tác ý đúng như lý, hoặc là tu về quán Bất tịnh-Trì tức niệm-Niệm trú, ba Nghĩa quán-bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhẫn-Thế đệ nhất pháp, như vậy đều gọi là Căn bản của Kiến đạo.

Có người nói: Kiến đạo mạnh mẽ sắc bén nhanh nhạy có thể dùng đạo thuộc một phẩm để đoạn trừ kết thuộc chín phẩm, vì thế cho nên không lui sụt.

Có người nói: Kiến đạo chỉ có một sát-na Nhẫn-Trí hiện rõ trước

mất, vì thế cho nên không lui sụt.

Có người nói: Nếu Kiến đạo có lui sụt thì Phạm hạnh đã tu không có thể bảo đảm tin tưởng, bởi vì lui sụt Kiến đạo cho nên làm dị sinh.

Hỏi: Đã nói Thánh giả dùng đạo khác để đoạn kiết do Tu mà đoạn, họ đối với đạo khác có lúc lui sụt-có lúc không lui sụt, thì ai lui sụt-ai không lui sụt?

Đáp: Thời giải thoát thì lui sụt, Bất động pháp thì không lui sụt.

Lại nữa, người độn căn thì lui sụt, người lợi căn thì không lui sụt.

Lại nữa, lực của nhân bên trong đoạn thì không lui sụt, lực của duyên bên ngoài đoạn thì lui sụt.

Có người nói: Quán Bất tịnh làm gia hạnh để đoạn thì lui sụt, Trì tức niệm làm gia hạnh để đoạn thì không lui sụt.

Có người nói: Nếu dùng đạo thế tục để đoạn kiết do Tu mà đoạn của tám địa dưới thì có lui sụt, nếu dùng đạo xuất thế để đoạn thì không lui sụt; ví như lâu đài, nền móng không an toàn thì có thể sụp đổ, vững chắc thì không như vậy.

Hỏi: Vì sao ba quả trên có lui sụt chứ không phải là quả Dự lưu?

Đáp: Kiết do Tu mà đoạn, dựa vào sự việc có mà khởi lên, đó là có tướng Tịnh, có tướng Bất tịnh, lúc ấy do tác ý phi lý quán về tướng Tịnh, liền lui sụt đối với Tướng về Bất tịnh; kiết do Kiến mà đoạn, dựa vào sự việc không có mà khởi lên, không có một pháp nào là Ngã-Ngã sở, có thể làm cho quán ấy lui sụt đối với Kiến về Vô ngã.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn Bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ nói là quả Dự lưu có lui sụt, hiển bày về quả Dự lưu quyết định không có lui sụt, cho nên soạn ra phần luận này.

Kiết do Tu mà đoạn, dựa vào sự việc có mà khởi lên, đó là do chấp lấy lông-tóc-móng-răng... không phải là không có phần ít tướng Tịnh của thế gian, nếu lúc tác ý phi lý tư duy điều này thì sẽ lui sụt Tướng về Bất tịnh đã tu, khởi lên kiết do Tu mà đoạn mà trước đây đã đoạn; kiết do Kiến mà đoạn, dựa vào sự việc không có mà khởi lên, đó là do chấp lấy tướng của Ngã-Ngã sở hoàn toàn không có. Như trong kinh nói: “Pháp không có tác dụng cũng không có hữu tình, mạng sống-nuôi dưỡng, Bỏ-đặc-già-la, tạo tác-nhận lấy, chỉ là tập hợp trong các hành không có Ngã, như dùng nắm tay trống rỗng gạt gẫm các trẻ thơ, người trí hiểu rõ ràng như trông thấy bàn tay xòe ra, cho nên thấy Vô ngã rồi nhất định không có lui sụt.” Vì vậy không có ai lui sụt mất đi quả Dự lưu.

Lúc lui sụt ba quả trên, các Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đã đạt được..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn Tôn giả Thiết-ma-đạt-đa nói rằng: “Lúc lui sụt quả A-la-hán, chỉ đạt được pháp Học mà trước đây đã rời bỏ thuộc vị lai, chứ không đạt được thuộc quá khứ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì lúc ấy hoàn toàn không hiện rõ trước mắt.” Nay muốn hiển bày lúc lui sụt quả A-la-hán, đạt được pháp Học mà trước đây đã rời bỏ thuộc quá khứ-vị lai, quá khứ tuy không có thể hiện rõ trước mắt mà có thể thành tựu. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lúc lui sụt ba quả trên, các Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi vô lậu đã đạt được, nên nói đã từng đạt được mà đạt được (tăng đắc đắc), hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, đó là trước đây đạt được quả thì rời bỏ, cho nên nay lui sụt thì trở lại đạt được, bởi vì các Thánh đạo chưa từng đạt được chỉ đạt được vào lúc thắng tiến.

Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, thì các Uẩn-Giới-Xứ đã đạt được..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cũng bởi vì ngăn chặn Tôn giả Thiết-ma-đạt-đa nói rằng: “Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, chỉ đạt được pháp mà trước đây đã rời bỏ thuộc vị lai, chứ không đạt được thuộc quá khứ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì lúc ấy hoàn toàn không hiện rõ trước mắt.” Nay muốn hiển bày lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, đạt được pháp mà trước đây đã rời bỏ thuộc quá khứ-vị lai, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu không như vậy, thì từ cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, lúc bắt đầu tiến vào thai (kiết sinh), chỉ cần thành tựu sinh tử của hai đời, nhưng không có hữu tình nào chỉ thành tựu sinh tử của hai đời, bởi vì quyết định thành tựu pháp hữu lậu của ba đời.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, thì các Uẩn-Giới-Xứ, căn thiện-bất thiện-vô ký, kiết-phược-tùy miên-tùy phiền não-triền đã đạt được, nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, pháp dị thực chưa từng đạt được mà đạt được.

Pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, thiện đó là bốn uẩn thiện do sinh đạt được.

Có người nói: Cũng đạt được bốn uẩn do luyện tập thành thực về Văn-Tư mà thành.

Các pháp thiện này trước đây do vượt qua cõi-địa cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Nhiễm ô, đó là bốn uẩn bất thiện-hữu phú vô ký, pháp nhiễm ô này trước đây do lìa nhiễm cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được.

Hỏi: Bốn uẩn thuộc Oai nghi lộ-Công xảo xứ luyện tập thành thực thì cũng sẽ đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong pháp vô phú vô ký thì phần nhiều không đạt được, đó là toàn phần của Dị thực sinh-Thông quả và phần ít của pháp khác, cho nên tuy đạt được ít mà cũng không nói đến.

Có Sư khác nói: Luyện tập thành thực cũng không đạt được, bởi vì yếu kém.

Pháp dị thực chưa từng đạt được mà đạt được, đó là từ vô thỉ đến nay chưa từng đạt được, bởi vì chỉ thành tựu hiện tại.

Hỏi: Nuôi lớn các uẩn cũng chưa từng đạt được mà đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, nếu nói đến dị thực thì nên biết là cũng đã nói đến nuôi lớn, bởi vì nuôi lớn phòng hộ cho dị thực, như người tiếp theo người, như tường tiếp theo tường, nhất định phải theo nhau, cho nên lúc bấy giờ cũng có pháp Đăng lưu chưa từng đạt được mà đạt được; như tánh dị sinh... bởi vì phần ít cho nên không nói đến.

Hỏi: Lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Sắc thì các Uẩn-Giới-Xứ, căn thiện-vô ký, kiết-phước-tùy miên-tùy phiền não-triền đã đạt được, nên nói là đã từng đạt được mà đạt được, hay là chưa từng đạt được mà đạt được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, pháp dị thực chưa từng đạt được mà đạt được.

Pháp thiện-nhiễm ô đã từng đạt được mà đạt được, thiện đó là bốn uẩn thiện do sinh đạt được, năm uẩn thiện do gia hạnh. Các pháp thiện này trước đây do vượt qua cõi-địa cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Nhiễm ô, đó là bốn uẩn hữu phú vô ký, pháp nhiễm ô này trước đây do lìa nhiễm cho nên rời bỏ, nay trở lại cõi-địa cho nên đạt được. Trong pháp vô phú vô ký thì bốn uẩn Thông quả cũng đã từng đạt

được mà được, bởi vì phần ít cho nên không nói. Nuôi lớn và Đăng lưu, giải thích như trước.

Lúc ở cõi Sắc chết đi-sinh vào cõi Dục thì các Uẩn-Giới-Xứ...đã đạt được, nói như lúc ở cõi Vô sắc chết đi-sinh ở cõi Dục, trong câu này giải thích cũng như trước nên biết!

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thần cảnh thông đạo, lúc ấy đi xa nhất là đến nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thông đạo, lúc ấy nghe xa nhất là âm thanh hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Tha tâm thông đạo, lúc ấy biết xa nhất là tâm-tâm sở pháp hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Túc trú tùy niệm thông đạo, lúc ấy nhớ xa nhất là sự việc ở đời trước hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc dẫn dắt phát khởi Thiên nhãn thông đạo, lúc ấy thấy xa nhất là cảnh sắc hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Cho đến cõi Phạm Thế.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư, đều tùy theo nơi chốn của mình nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da nói: “Đây đủ thần thông thì thân tự tại di chuyển cho đến cõi Phạm Thế.” Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Thần thông tự tại chỉ đến cõi Phạm Thế chứ không phải là địa trên? Bởi vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, nói là cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà khởi lên thần thông, thân tự tại di chuyển cho đến cõi Quảng Quả hoặc là cõi trời Sắc Cứu Cánh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Nếu nơi nào có Thân biểu của địa mình thì Đức Thế Tôn nói đến, Tĩnh lự thứ hai trở lên không có Thân biểu của địa mình, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong đó Đức Phật nói đến lúc đầu đã đạt được địa

trên chứ không phải là lần đầu đạt được.

Có người nói: Nói cõi Phạm Thế là thâm nhiếp bốn Tĩnh lực, bởi vì đều có Chi đã thâm nhiếp tiếp nhận Tam-ma-địa thanh tịnh.

Hỏi: Ngay cả Tĩnh lực thứ nhất bởi vì có Ngũ biểu, cho nên dựa vào Tĩnh lực thứ nhất phát khởi Thiên nhĩ nghe được âm thanh của địa ấy; địa trên đã không có Ngũ biểu, dựa vào Tĩnh lực thứ hai... dẫn dắt phát khởi Thiên nhĩ thì nghe được những thanh nào?

Đáp: Như người sinh ở Tĩnh lực thứ nhất, dựa vào nghiệp của Ngũ biểu cùng khởi tâm phát ra ngữ; như vậy người sinh ở ba Tĩnh lực trên, cũng dựa vào nghiệp của Ngũ biểu thuộc Tĩnh lực thứ nhất cùng khởi tâm phát ra ngữ, chính là Thiên nhĩ của địa ấy đã nghe.

Có người nói: Địa trên tuy không có thanh của Ngũ biểu mà có thanh khác, là địa ấy đã nghe, cho nên không có gì sai.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục, dựa vào Tĩnh lực thứ nhất phát khởi Thiên nhĩ thông, thì có thể nghe thanh thuộc Ngũ biểu của chư Thiên ở ba Tĩnh lực trên hay không?

Đáp: Có người nói không nghe, bởi vì nơi chốn cách xa, hoặc là bởi vì vi tế.

Có người nói: Nếu tác ý cao nhất thì cũng có thể nghe, bởi vì đều là pháp của địa giống nhau.

Hỏi: Dựa theo Tĩnh lực nào phát khởi Thần cảnh thông có thể đi đến nơi nào?

Đáp: Dựa vào Tĩnh lực thứ nhất phát khởi thì có thể đi đến cõi Phạm Thế, cho đến dựa vào Tĩnh lực thứ tư phát khởi thì có thể đi đến cõi Quảng Quả hoặc là cõi trời Sắc Cứu Cánh. Thanh văn không tác ý thì chiều ngang xa nhất là Tiểu thiên thế giới, tác ý thì xa nhất là Trung thiên thế giới; Độc giác không tác ý thì xa nhất là Trung thiên thế giới, tác ý thì xa nhất là Đại thiên thế giới; Đức Phật không tác ý thì xa nhất là Đại thiên thế giới, tác ý thì có thể xa nhất là vô biên thế giới.

Như Thần cảnh thông, bốn Thông còn lại cũng như vậy. Giải thích rộng về sáu Thông như trong chương Đại Chúng Uẩn.

Hỏi: Nếu đối với Khổ tư duy về Khổ, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Khổ hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Khổ hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là tùy theo cõi mà nói chung. Nếu tùy theo địa thì nên nói là Khổ hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Khổ loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Tập tư duy về Tập, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Tập hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Tập hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây cũng là tùy theo cõi mà nói chung. Nếu tùy theo địa thì nên nói là Tập hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, tức là Tập loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Diệt tư duy về Diệt, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Diệt các hành hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, Diệt các hành tức là Diệt pháp trí-Diệt loại trí.

Hỏi: Nếu đối với Đạo tư duy về Đạo, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy về Đạo có thể đoạn các hành hệ thuộc nơi nào?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, Đạo có thể đoạn các hành tức là Đạo pháp trí-Đạo loại trí.

Như vậy, sáu trí đều có bốn hành tướng làm đạo vô gián, đoạn phiền não thuộc phẩm Hạ Hạ của Phi tướng phi phi tướng xứ, đi cùng với Tam-ma-địa Kim cang dụ. Tam-ma-địa Kim cang dụ này có thể chứng được quả A-la-hán, nói rộng ra như phẩm thứ ba trong chương Tap Uẩn.

Lìa nhiệm do Tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc đều dùng sáu trí làm đạo vô gián, đó là bốn Loại trí và Diệt-Đạo pháp trí. Đây là nói về đạo vô lậu. Nếu như đạo hữu lậu thì chỉ có Thế tục trí, bởi vì trí ấy không có khắp nơi, cho nên không phải là ở đây nói đến.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Khổ loại trí, có lúc chỉ duyên với Khổ của địa mình, có lúc chỉ duyên với Khổ của Tĩnh lự thứ hai, cho đến có lúc chỉ duyên với Khổ của Phi tướng phi phi tướng xứ, không có kết hợp duyên với hai địa cho đến duyên với tám địa, bởi vì thô-tế khác biệt, bởi vì pháp đoạn của địa khác nhau. Như Khổ loại trí, Tập loại trí cũng như vậy.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Diệt loại trí, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của địa mình, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Phi tướng phi phi tướng xứ, có lúc kết hợp duyên với hai địa cho đến duyên với tám địa, bởi vì vi diệu như nhau, bởi vì đều trái với nhiệm.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Đạo loại trí, đều duyên với đạo thuộc phẩm Loại trí của chín địa, bởi vì làm nhân lẫn nhau, bởi vì chủng loại như nhau.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Diệt pháp trí, chỉ duyên với Diệt các hành của cõi Dục.

Lúc khởi lên đạo vô gián thuộc Đạo pháp trí, đều duyên với đạo thuộc phẩm Pháp trí của sáu địa.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Sai biệt là dựa vào ba Vô sắc không có hai Pháp trí và không duyên với Diệt của địa dưới. Trong này, tất cả các địa không duyên với Khổ-Tập của địa dưới, bởi vì đã lìa nhiệm của địa dưới, cho nên khởi lên không có tác dụng.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ nhất.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí duyên chung với đạo thuộc phẩm Loại trí của chín địa.

Diệt pháp trí chỉ duyên với Diệt các hành của cõi Dục.

Đạo pháp trí duyên chung với đạo thuộc phẩm Pháp trí của sáu địa.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ hai, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ hai.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên

xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Tĩnh lự thứ ba, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ ba.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai, có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Diệt các hành của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Tĩnh lự thứ tư, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Tĩnh lự thứ

tứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai cho đến Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba cho đến Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư cho đến Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Không vô biên xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Không vô biên xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Thức vô biên xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Thức vô biên xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ, bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Vô sở hữu xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Vô sở hữu xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của hai Tĩnh lự đầu, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ ba-thứ tư, có lúc duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ tư và Không vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Không-Thức vô biên xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, có lúc duyên với Diệt các hành của Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ, ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, Khổ-Tập loại trí chỉ duyên với Khổ-Tập của Phi tướng phi phi tướng xứ.

Diệt loại trí có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Tĩnh lự thứ nhất cho đến có lúc chỉ duyên với Diệt các hành của Phi tướng phi phi tướng xứ, hai-ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám địa kết hợp duyên với nhau, nói như trước.

Đạo loại trí và Diệt-Đạo pháp trí, cũng nói như trước.

Như vậy, dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Tĩnh lự thứ hai cho đến là nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ; cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ lúc khởi lên đạo vô gián là nhiệm của Vô sở hữu xứ và là nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, như sự thích hợp ấy đều nên nói rộng ra. Có điều sai biệt là ba địa Vô sắc trừ ra hai Pháp trí, và không có thể duyên với Diệt của địa dưới. Như vậy chính là nói đến người sinh ở cõi Dục, nếu sinh ở cõi Sắc-Vô sắc thì tất cả Pháp trí đều không hiện khởi, sinh ở địa trên lúc ấy không duyên với Diệt của địa dưới.

Như đạo vô gián, đạo giải thoát cũng như vậy, chỉ trừ ra lúc là nhiệm thuộc phẩm Hạ Hạ của Phi tướng phi phi tướng xứ là đạo giải thoát, có thể cần phải có Khổ-Tập loại trí.

